

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 197/2022/HC-PT

Ngày 06 tháng 6 năm 2022

V/v Khiếu kiện quyết định giải
quyết tranh chấp đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Hải Hiệp;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Đình Trung;

Ông Điều Văn Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 596/2020/TLPT-HC ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2020/HC-ST ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 7759/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Lương Thị B, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm C, thôn ND, phường ĐM, quận ĐH, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 19 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền lập ngày 29/3/2016 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Dũng). Có mặt.

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; do ông Nguyễn Trọng Đông - Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội làm đại diện (theo Giấy ủy quyền số 11/GUQ-UBND ngày 15/01/2021). Vắng mặt và có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ĐH, thành phố Hà Nội; do bà Cấn Thị Việt Hà - Phó Chủ tịch UBND quận ĐH làm đại diện (theo Giấy ủy quyền ngày 05/3/2019). Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân phường ĐM, quận ĐH, thành phố Hà Nội; do ông Nguyễn Văn Hoàn – Phó Chủ tịch UBND phường ĐM làm đại diện. Vắng mặt.

2. Ông Trần Đình T, sinh năm 1943; địa chỉ: Số 342, tổ dân phố số 6, phường La Khê, quận ĐH, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thửa đất có diện tích 175m² là đất ao tại xóm C, thôn NĐ (nay là tổ dân phố số 6), phường ĐM, quận ĐH có nguồn gốc thuộc quyền sử dụng của vợ chồng cụ Trần Đình Gia (chết 1945) và cụ Ngô Thị Mão (chết năm 1985). Hai cụ có 06 người con, gồm: ông Trần Đình Tha (là bố ông Trần Đình Tuấn và là chồng bà Lương Thị B); ông Trần Đình Nghi; ông Trần Đình Thi; ông Trần Đình T; bà Trần Thị Bót và bà Trần Thị Tân.

Khoảng từ năm 1992 đến năm 1994, bà Lương Thị B và chồng là ông Trần Đình Tuấn (mất năm 2010) đã sử dụng phần diện tích đất ao, san lấp và xây nhà cấp 4 cùng công trình phụ trên đất để sử dụng.

Năm 1997, ông Trần Đình Tuấn kê khai quyền sử dụng đối với thửa đất có số thửa là 242, tờ bản đồ số 5 xã ĐM có diện tích 175m².

Năm 2007 phát sinh tranh chấp đất giữa ông Trần Đình T và ông Trần Đình Tuấn. Sau khi UBND phường ĐM hòa giải không thành thì tranh chấp được chuyển đến Tòa án nhân dân thành phố ĐH (nay là quận ĐH) giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2008/DSST ngày 14/10/2008, Tòa án nhân dân thành phố ĐH quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình T đòi 175m² đất ao; buộc ông Trần Đình Tuấn, bà Lương Thị B và các thành viên của hộ ông Trần Đình Tuấn phải tháo dỡ nhà và tài sản ra khỏi khuôn viên thửa đất để trả lại đất cho ông Trần Đình T, đồng thời buộc ông Trần Đình T phải thanh toán công sức san lấp ao cho gia đình ông Trần Đình Tuấn, bà Lương Thị B số tiền 30.000.000 đồng.

Bà Lương Thị B và ông Trần Đình Tuấn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 28/2009/DSPT ngày 15/01/2009, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định: Bác kháng cáo của bà Lương Thị B và ông Trần Đình Tuấn; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Ngày 11/8/2009, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ra Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 415/2009/DS-KN đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 28/2009/DSPT ngày 15/01/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 512/2009/DS-GĐT ngày 21/10/2009, Tòa Dân sự Tòa án nhân dân tối cao quyết định: Chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 28/2009/DSPT ngày 15/01/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2008/DSST ngày 14/10/2008 của Tòa án nhân dân thành phố ĐH; Giao hồ

sơ vụ án cho Toà án nhân dân quận ĐH, thành phố Hà Nội xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

Tại Quyết định số 02/2010/QĐST-DS ngày 22/12/2010, Toà án nhân dân quận ĐH quyết định: Đình chỉ việc giải quyết vụ án và chuyển hồ sơ vụ án đến UBND quận ĐH để giải quyết theo thẩm quyền, với lý do thửa đất có tranh chấp không có một trong các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 và các đương sự trong vụ án không tranh chấp tài sản gắn liền với đất.

Ngày 29/8/2011, Chủ tịch UBND quận ĐH ban hành Quyết định số 11467/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Trần Đình T với bà Lương Thị B (chồng là Trần Đình Tuấn), theo đó đã quyết định: *“Xác định phần diện tích đất ao 175m² ở xóm C, thôn ND (nay là tổ dân phố số 6), phường ĐM, quận ĐH là của ông Trần Đình T”*.

Năm 2014, thực hiện Quyết định số 11467/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 của Chủ tịch UBND quận ĐH, thì anh Trần Đình Lợi (là người đang sử dụng đất và là con ông Tuấn, bà B) đã bàn giao lại tài sản cho ông Trần Đình T và nhận tiền giá trị tài sản trên đất theo thỏa thuận với số tiền là 60.000.000 đồng.

Không nhất trí với Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 11467/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 của Chủ tịch UBND quận ĐH nên bà Lương Thị B đã gửi đơn khiếu nại đến UBND thành phố Hà Nội.

Ngày 07/10/2015, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 5089/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Lương Thị B với ông Trần Đình T (lần 2), theo đó đã quyết định: *“Đồng ý với Quyết định số 11467/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 của UBND quận ĐH về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất (ao) giữa ông Trần Đình T với bà Lương Thị B tại xóm C, thôn ND (nay là tổ 6), phường ĐM, quận ĐH”*.

Ngày 06/11/2015, bà Lương Thị B khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án nhân dân thành phố Hà Nội với yêu cầu hủy Quyết định giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất số 5089/QĐ-UBND ngày 07/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội và Quyết định số 11467/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 của Chủ tịch UBND quận ĐH.

Ngày 25/01/2016, bà Lương Thị B sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện với yêu cầu hủy Quyết định số 5089/QĐ-UBND ngày 07/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, với căn cứ đưa ra là:

- Không có căn cứ xác định phần diện tích đất ao 175m² được chia thừa kế cho ông Trần Đình T. Thực tế gia đình bà B sử dụng thửa đất từ năm 1974 và đến năm 1994 gia đình bà đã lấp ao để xây nhà; thửa đất được kê khai năm 1997 mang tên ông Trần Đình Tuấn.

- Sổ mục kê và bản đồ lập năm 1992, thì thửa đất mang tên ông Trần Đình

T là do ông T tự ý kê khai.

- Quyết định Giám đốc thẩm của Toà án nhân dân tối cao đã hủy bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm do vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà do UBND giải quyết nên Chủ tịch UBND quận ĐH đã ban hành Quyết định số 11467/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 và Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội đã giải quyết khiếu nại bằng Quyết định số 5089/QĐ-UBND ngày 07/10/2015.

- Không có văn bản và chứng cứ nào chứng minh các cụ đã chia đất cho ông Trần Đình T; Đất bỏ hoang 12 tháng sẽ bị Nhà nước thu hồi, gia đình bà đã sử dụng đất trên 30 năm nên không ai có quyền thu hồi.

- Việc các anh chị em ruột ông Trần Đình T xác nhận ông Trần Đình T được hưởng thừa kế là không đúng pháp luật; khi ông Trần Đình T khởi kiện yêu cầu giải quyết vào năm 2008 là đã hết thời hiệu khởi kiện hơn nữa ông Trần Đình T kiện đòi đất chứ không phải kiện chia thừa kế. Do vậy, ông Trần Đình T chưa phải là người sử dụng đất hợp pháp nên không có quyền đòi đất gia đình bà đang sử dụng.

- Ông Trần Đình T không phải là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất nên không có quyền cho mượn; năm 1994, khi bà lấp ao làm nhà thì không có tranh chấp.

- Việc ông Trần Đình T nói cho mượn đất nhưng không có giấy tờ nên không thể xác định ông Trần Đình T cho gia đình bà mượn đất. Nếu xác định thửa đất này là di sản do bố, mẹ ông Trần Đình T để lại thì cũng đã hết thời hiệu chia thừa kế và cũng không đủ điều kiện để giải quyết chia tài sản thuộc sở hữu chung do gia đình bà không đồng ý chia.

** Đại diện của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội trình bày:*

Sau khi nhận được khiếu nại của bà Lương Thị B đối với Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 11467/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 của Chủ tịch UBND quận ĐH, ngày 03/12/2014 Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội có văn bản số 9435/UBND-BTCD giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, kết luận và báo cáo Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội theo quy định.

Căn cứ kết quả xác minh nội dung khiếu nại và kết luận, kiến nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 1184/BC-STNMT-TTr ngày 03/8/2015 đối với khiếu nại của bà Lương Thị B, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 5089/QĐ-UBND ngày 07/10/2015 về giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Lương Thị B với ông Trần Đình T, theo đó đã quyết định: *“Đồng ý với Quyết định số 11467/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 của UBND quận ĐH về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất (ao) giữa ông Trần Đình T và bà Lương Thị B tại xóm C, thôn NĐ (nay là tổ 6), phường ĐM, quận ĐH”*.

Căn cứ quy định tại Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành luật; kết quả xác minh nội dung khiếu nại và kết luận, kiến nghị của Giám đốc Sở Tài

nguyên và Môi trường Hà Nội tại các văn bản số 1184/BC-STNMT-TTr ngày 03/8/2015 và số 2527/STNMT-TTR ngày 29/11/2017, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm đã giải quyết tại Quyết định số 5089/QĐ-UBND ngày 07/10/2015 về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Lương Thị B và ông Trần Đình T. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Đại diện của Chủ tịch UBND quận ĐH, thành phố Hà Nội trình bày:*

Căn cứ Quyết định Giám đốc thẩm của Tòa Dân sự Toà án nhân dân tối cao và Quyết định số 02/2010/QĐST-DS ngày 22/12/2010 của Toà án nhân dân quận ĐH về việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất với lý do: Vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Căn cứ hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai do Tòa án nhân dân quận ĐH chuyển đến và báo cáo kết quả xác minh số 489/BC-TNMT ngày 24/8/2011 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND quận ĐH ban hành Quyết định số 11467/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Trần Đình T và bà Lương Thị B (chồng là Trần Đình Tuấn) với nội dung: “Xác định phần diện tích đất ao 175m² ở xóm C, thôn NĐ (nay là tổ dân phố số 6), phường ĐM, quận ĐH là của ông Trần Đình T”.

Căn cứ đơn đề nghị của ông Trần Đình T về việc thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai nêu trên. Ngày 25/8/2012, UBND quận ban hành văn bản số 1683/UBND-TTr giao UBND phường ĐM thực hiện Quyết định số 11467/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 về việc giải quyết tranh chấp đất đai.

Ngày 08/4/2013, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận ĐH cùng UBND phường ĐM và Tổ trưởng tổ dân phố số 6 tiến hành kiểm tra đo đạc, xác định mốc giới và diện tích thửa đất của gia đình ông Trần Đình T được xác định theo Quyết định số 11467/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 nêu trên. Kết quả: Tại thực địa, diện tích đất ông Trần Đình T được công nhận quyền sử dụng là 175m². Tại thời điểm đo đạc, trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích khoảng 40m²; công trình phụ khoảng 10m²; cổng sắt, Tờng rào do anh Trần Đình Lợi (con bà Lương Thị B) đang quản lý, sử dụng. Ngày 27/02/2014, giữa ông Trần Đình T và anh Trần Đình Lợi thống nhất thỏa thuận: Anh Lợi thanh lý toàn bộ tài sản, công trình trên đất cho ông T sử dụng, ông T trả cho anh Lợi số tiền là 60.000.000 đồng. Anh Trần Đình Lợi nhận đủ tiền và bàn giao công trình nêu trên cho ông Trần Đình T sử dụng. Hiện phần diện tích đất này ông Trần Đình T đã xây Tờng bao, mốc giới rõ ràng và trồng hoa màu trên đất.

Bà Lương Thị B khiếu nại Quyết định số 11467/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 và được Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội giải quyết bằng Quyết định số 5089/QĐ-UBND ngày 07/10/2015. Đến nay, Chủ tịch UBND quận ĐH không có ý kiến gì khác với nội dung tại Quyết định số 11467/QĐ-UBND ngày 29/8/2011. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- *Đại diện UBND phường ĐM, quận ĐH trình bày:* Việc tranh chấp quyền sử dụng đối với thửa đất 175m² tại tổ dân phố 6, phường ĐM, quận ĐH giữa ông Trần Đình T và bà Lương Thị B xảy ra từ năm 2007-2008. UBND phường tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên chuyển hồ sơ về Tòa án để giải quyết theo thẩm quyền. Tranh chấp được Tòa án các cấp giải quyết, sau đó lại được chuyển về cho UBND quận ĐH giải quyết bằng Quyết định số 11467/QĐ-UBND ngày 29/8/2011; Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội giải quyết bằng Quyết định số 5089/QĐ-UBND ngày 07/10/2015. Hiện thửa đất đã được giao cho ông Trần Đình T quản lý, sử dụng.

Về Bản đồ, sổ mục kê đối với thửa đất các thời kỳ: Theo hệ thống Bản đồ và Sổ điều tra kiểm thống kê đất lập năm 1992, thể hiện: Thửa đất số 672, tờ bản đồ số 2, diện tích 143m², loại đất ao đứng tên ông Trần Đình T. Theo hệ thống Bản đồ và Sổ mục kê kiểm thống kê ruộng đất lập năm 1997, thể hiện: Thửa đất số 242, tờ bản đồ số 5, diện tích 175m², loại đất ở đứng tên ông Trần Đình Tuấn.

Quan điểm của UBND phường ĐM: Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

Ông Trần Đình T trình bày: Thửa đất ao 175m² tại tổ dân phố 6, phường ĐM, quận ĐH có nguồn gốc là của bố mẹ ông là cụ Trần Đình Gia và cụ Ngô Thị Mão. Thửa đất này là ông được mẹ ông (cụ Mão) chia cho năm 1985 trước khi bà chết. Diện tích đất này là một phần trong tổng diện tích đất của bố mẹ để lại; trước khi chết mẹ ông chia đất ở và đất ao cho cả 04 anh em trai ông chứ không phải mình ông và mỗi người đều có phần riêng, hiện thể hệ các con đang quản lý sử dụng.

Do đi công tác vắng nhà nên ông cho cháu ruột là Trần Đình Tuấn mượn phần đất ao này để sử dụng, vì phần diện tích đất ao này liền với phần diện tích ao của anh trai ông là Trần Đình Tha (bố đẻ ông Tuấn) được mẹ ông chia. Phần đất ông Trần Đình Tha được chia hiện con trai bà B đang sử dụng.

Tại Bản đồ và Sổ mục kê lập năm 1992 thì thửa đất này có số thửa 672, tờ bản đồ số 2 có diện tích 143m² mang tên chủ sử dụng là Trần Đình T (tên ông). Quá trình ông Trần Đình Tuấn sử dụng thì ông Tuấn đã tự ý kê khai lại vào năm 1997, vì vậy tại Bản đồ và Sổ mục kê lập năm 1997 thì thửa đất là số 242, tờ Bản đồ số 5 có diện tích là 175m² mang tên ông Trần Đình Tuấn.

Việc Bản đồ và Sổ mục kê thửa đất lập năm 1997 mang tên ông Trần Đình Tuấn là do ông Tuấn tự kê khai; ông T không chuyển nhượng và cũng không tặng cho ông Tuấn thửa đất này, được thể hiện tại Báo cáo của UBND phường xác nhận lỗi do người dẫn đạc khi đo vẽ Bản đồ và sự thiếu kiểm tra của UBND phường, ngoài ra còn được thể hiện tại bản khai của ông Trần Đình Tuấn khi còn sống tại Tòa án nhân dân quận ĐH và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội khi giải quyết vụ án là: Năm 2007, ông Trần Đình Tuấn đã 02 lần gặp ông Trần Đình T

nói: Biểu ông T từ 10 đến 50 triệu đồng để ông T cho đất ao mà ông Trần Đình Tuấn đang sử dụng nhưng ông Trần Đình T không cho (trang 2 Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2008/ DSST ngày 14/10/2008 của Tòa án nhân dân thành phố ĐH).

Quá trình giải quyết tại Tòa án và UBND các cấp đều xác định: Tôi (Trần Đình T) là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất; Tôi cũng đã được UBND quận ĐH và UBND xã ĐM giao quản lý thửa đất từ ngày 08/4/2013 và tôi cũng đã thanh toán trả cháu Trần Đình Lợi là con bà Lương Thị B tiền công trình trên đất theo thỏa thuận với số tiền là 60.000.000 đồng.

Do đó, việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông với bà Lương Thị B của Chủ tịch UBND quận ĐH và Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội bằng các Quyết định số 11467/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 và Quyết định số 5089/QĐ-UBND ngày 07/10/2015 là đúng pháp luật. Việc bà Lương Thị B khởi kiện vụ án hành chính với yêu cầu hủy các Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội và Chủ tịch UBND quận ĐH là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2020/HC-ST ngày 26/5/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 116, Điều 193, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 50, Điều 136 Luật đất đai 2003; Điều 127 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 32 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị B về việc đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 5089/QĐ-UBND ngày 07/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Lương Thị B với ông Trần Đình T ở tổ 6, phường ĐM, quận ĐH.

2. Bác yêu cầu của bà Lương Thị B về việc đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 11467/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 của Chủ tịch UBND quận ĐH v/v Giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Trần Đình T ở số 342 Quang Trung, ĐH, Hà Nội với bà Lương Thị B (chồng là Trần Đình Tuấn).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện bà Lương Thị B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là bà Lương Thị B không rút đơn khởi kiện; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và

không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Kháng cáo của bà Lương Thị B trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung, kháng cáo của bà Lương Thị B là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính xử bác kháng cáo của bà Lương Thị B và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; người bị kiện là Chủ tịch UBND quận ĐH, thành phố Hà Nội, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường ĐM, quận ĐH, thành phố Hà Nội và ông Trần Đình T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Ngày 06/11/2015, bà Lương Thị B có đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5089/QĐ-UBND ngày 07/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Lương Thị B và ông Trần Đình T ở tổ 6, phường ĐM, quận ĐH, Hà Nội. Xét Quyết định số 5089/QĐ-UBND ngày 07/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội nêu trên là quyết định hành chính do người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành trong hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo về thời hiệu và điều kiện khởi kiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 28, Điều 30 và Điều 104 Luật Tố tụng hành chính 2010 (nay là Điều 3, Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật Tố tụng hành chính 2015).

Đối với Quyết định số 11467/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 của Chủ tịch UBND quận ĐH, Hà Nội về việc giải quyết tranh chấp đất ao giữa ông Trần Đình T với bà Lương Thị B (chồng là Trần Đình Tuấn), Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quyết định hành chính có liên quan để cùng xem xét về tính hợp pháp của quyết định trong cùng vụ án, đồng thời xác định Chủ tịch UBND quận ĐH tham gia tố tụng trong vụ án với T cách là người bị kiện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của bà Lương Thị B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Sinh thời cụ Trần Đình Gia (chết năm 1945) và cụ Ngô Thị Mão (chết năm 1985) có 02 thửa đất gồm 01 thửa đất thổ cư và 01 thửa đất ao tại Tổ dân phố số 6, phường ĐM, quận ĐH, Hà Nội. Trước khi chết, cụ Mão đã chia diện tích đất ao và diện tích đất thổ cư cho 04 người con trai là các ông Trần Đình Tha, Trần Đình Nghi, Trần Đình Thi và Trần Đình T. Theo Bản đồ và Sổ mục kê năm 1992, thì diện tích đất có tranh chấp thửa đất số 672 diện tích 143m² loại đất ao ghi tên ông Trần Đình T. Ngoài ra ông Trần Đình T còn đứng tên chủ sử dụng thửa đất số 653, diện tích 84m² loại đất vườn (ông T đã chuyển nhượng thửa đất này cho gia đình ông Trần Đình Thi). Đồng thời, 03 gia đình anh trai của ông Trần Đình T cũng đứng tên chủ sử dụng đối với các thửa đất khác Tổng ứng được nhận từ bố mẹ. Còn theo Bản đồ và Sổ mục kê lập năm 1997, thì thửa đất có tranh chấp là thửa số 242, diện tích 175m² loại đất thổ cư đứng tên ông Trần Đình Tuấn (chồng bà Lương Thị B).

Việc biến động tên chủ sử dụng đất từ ông Trần Đình T (theo Bản đồ và Sổ mục kê lập năm 1992) sang tên ông Trần Đình Tuấn (theo Bản đồ và Sổ mục kê lập năm 1997), được UBND phường ĐM báo cáo: *“...quá trình đo đạc lập Bản đồ địa chính tại thời điểm ông Tuấn đang sử dụng đất và do cán bộ dẫn đạc không nắm rõ, UBND phường không kiểm tra kỹ hồ sơ lưu trước khi xác nhận dẫn đến Bản đồ năm 1997 ghi tên ông Tuấn, nhưng thực chất chủ sử dụng đất hợp pháp là ông Trần Đình T, không có việc chuyển nhượng từ ông T sang ông Tuấn, hoặc sang các hộ khác...”*.

Tại Báo cáo số 116/BC-UBND ngày 09/7/2015, UBND phường ĐM xác định: Hội đồng T vấn giải quyết tranh chấp đất đai thảo luận và 100% các thành viên tham gia thống nhất: *“thửa đất số 242, diện tích 175m², từ Bản đồ số 5 lập năm 1997 (từ Bản đồ số 2 lập năm 1992 là thửa 672, diện tích 143m²) hiện đang tranh chấp giữa ông Trần Đình T và bà Lương Thị B (chồng là Trần Đình Tuấn) tại xóm C, tổ dân phố 6, phường ĐM, quận ĐH có nguồn gốc của cụ Trần Đình Gia và cụ Ngô Thị Mão cho ông Trần Đình T”*.

Về diện tích đất tranh chấp (theo Bản đồ và Sổ mục kê năm 1992 là 143m²; theo Bản đồ và Sổ mục kê lập năm 1997 là 175m²) được xác định là có sai số do đo đạc. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà B trình bày diện tích đất tranh chấp tăng lên là do gia đình bà lấn chiếm nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

[3.1] Đối với Quyết định số 11467/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 của Chủ tịch UBND quận ĐH:

- Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính: Do thửa đất có tranh chấp không có một trong các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 50 Luật Đất đai 2003 và các đương sự không có tranh chấp tài sản trên đất. Vì vậy, Chủ tịch UBND quận ĐH ban hành Quyết định số 11467/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Trần Đình

T và bà Lương Thị B là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai 2003 và Điều 127 Luật Tổ chức HĐND và UBND.

- Về trình tự, thủ tục và căn cứ ban hành quyết định hành chính: Sau khi nhận hồ sơ vụ việc từ Tòa án nhân dân quận ĐH chuyển tới, UBND quận ĐH đã giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra, xác minh nội dung yêu cầu giải quyết tranh chấp. Căn cứ Báo cáo xác minh số 489/BC-TNMT ngày 24/8/2011 của Phòng Tài nguyên và Môi trường và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án từ Tòa án chuyển đến, có cơ sở xác định: Bố ông Trần Đình Tuấn là ông Trần Đình Tha cũng được bố mẹ chia đất thổ cư và một phần đất ao hiện do các con ông Tha (ông Trần Đình Tuấn và ông Trần Đình Chức) đang sử dụng; bản thân ông Trần Đình Tuấn xác nhận đã 02 lần đặt vấn đề biểu tiền từ 10 đến 50 triệu đồng để ông Trần Đình T cho thừa đất ao có tranh chấp mà gia đình đang sử dụng nhưng ông Trần Đình T không đồng ý. Hơn nữa, các thành viên trong gia đình cùng hàng thừa kế với ông Trần Đình Tha và ông Trần Đình T đều xác nhận thừa đất ao có tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Trần Đình T do được bố mẹ chia cho.

Quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án trước đây và sau này do UBND thành phố ĐH và UBND thành phố Hà Nội giải quyết thì gia đình ông Trần Đình Tuấn, bà Lương Thị B không xuất trình được tài liệu, chứng cứ có việc chuyển nhượng hoặc tặng cho quyền sử dụng đất từ ông Trần Đình T sang ông Trần Đình Tuấn.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND quận ĐH ban hành Quyết định số 11467/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Trần Đình T và bà Lương Thị B, theo đó quyết định: *“Xác định phần diện tích đất ao 175m² ở xóm C, thôn NĐ (nay là tổ dân phố số 6), phường ĐM, quận ĐH là của ông Trần Đình T”*, là có căn cứ.

[3.2] Đối với Quyết định số 5089/QĐ-UBND ngày 07/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.

- Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính: Bà Lương Thị B có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 11467/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 của Chủ tịch UBND quận ĐH. Sau khi thụ lý khiếu nại, UBND thành phố Hà Nội ban hành văn bản số 9435/UBND-BTCD ngày 03/12/2014 về việc giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, kết luận và Báo cáo Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội theo quy định.

Căn cứ kết quả xác minh tại Báo cáo số 1184/BC-STNMT-TTr ngày 03/8/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, ngày 07/10/2015, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 5089/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai (lần 2) giữa bà Lương Thị B và ông Trần Đình T tại tổ dân phố 6, phường ĐM, quận ĐH là đảm bảo về trình tự, thủ tục và đúng về thẩm quyền theo quy định tại Điều 127 Luật Tổ chức HĐND và UBND; khoản 2 Điều

136 Luật Đất đai 2003 và Điều 21 Luật Khiếu nại.

- Về căn cứ ban hành quyết định hành chính: Trên cơ sở Báo cáo kết quả xác minh số 1184/BC-STNMT ngày 03/8/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường; ý kiến của Hội đồng T vấn giải quyết tranh chấp đất đai phường ĐM; thực tế nguồn gốc, quá trình sử dụng đất; căn cứ xác lập quyền sử dụng đất thông qua lời trình bày của các bên đương sự cũng như các thành viên trong gia đình cùng hàng thừa kế với ông Trần Đình T, ông Trần Đình Tha và Báo cáo xác nhận của UBND phường ĐM về việc lập hồ sơ địa chính tại địa phương, có cơ sở xác định ông Trần Đình T là chủ sử dụng thửa đất số 242, tờ Bản đồ số 2 lập năm 1997 có diện tích 175m² tại Tổ dân phố số 6, phường ĐM, quận ĐH, thành phố Hà Nội.

Việc xác định ông Trần Đình T là chủ sử dụng thửa đất tranh chấp là phù hợp với thực tế có việc ông Trần Đình Tuấn xác nhận đã 02 lần đặt vấn đề biểu tiên ông Trần Đình T để ông T cho đất nhưng không được ông Trần Đình T đồng ý. Mặt khác, sau khi có Quyết định số 11467/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 của Chủ tịch UBND thành phố ĐH đến ngày 08/4/2013 đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường quận ĐH cùng đại diện UBND phường ĐM, đại diện tổ dân phố 6 và các bên đã bàn giao thửa đất cho ông Trần Đình T; ông T đã quản lý, sử dụng và nộp thuế sử dụng đất cho đến nay. Ngày 27/02/2014, anh Trần Đình Lợi (con bà Lương Thị B) và ông Trần Đình T có thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ tài sản trên đất cho ông Trần Đình T với số tiền 60.000.000 đồng. Hai bên đã giao nhận cho nhau tiền và tài sản trên đất, không có tranh chấp gì trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương và gia đình.

Nay bà Lương Thị B cho rằng gia đình sử dụng đất trên 30 năm là đủ căn cứ xác lập quyền sử dụng đất là không đúng, bởi: Năm 1992, thửa đất vẫn đứng tên chủ sử dụng là ông Trần Đình T; ông Trần Đình Tuấn đứng tên chủ sử dụng đất tại Bản đồ và Sổ mục kê từ năm 1997 nhưng không có căn cứ xác định có việc chuyển nhượng hay tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Trần Đình T và ông Trần Đình Tuấn. Việc ông Trần Đình Tuấn đứng tên chủ sử dụng đất được xác định là do lỗi của UBND phường ĐM khi lập Bản đồ năm 1997; UBND phường ĐM cũng đã xác nhận lỗi do cán bộ dẫn đạc và không kiểm tra hồ sơ lưu khi lập sổ mục kê năm 1997.

Với những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác đơn khởi kiện của bà Lương Thị B là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm tài liệu, chứng cứ hoặc tình tiết mới. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc bác kháng cáo của bà Lương Thị B; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có cơ sở, được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Lương Thị B là người cao tuổi và đã có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 và Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Lương Thị B; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2020/HCST ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Bà Lương Thị B được miễn nộp toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tp Hà Nội;
- VKSND tp Hà Nội;
- Cục THADS tp Hà Nội;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Hải Hiệp

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Điều Văn Hằng

Hồ Đình Trung

Phùng Hải Hiệp